

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT THUẬN HẢI
Năm báo cáo: 2020**

PHẦN I : GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần đường sắt Thuận Hải
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4500139769 Ngày cấp: 30/9/2010 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 31 tháng 10 năm 2018, Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tỉnh Ninh Thuận
- Vốn điều lệ: 16.888.600.000 VNĐ
- Địa chỉ: Số 15 Minh Mạng, phường Đô Vinh, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Thuận
- Số điện thoại: 0259 3888 037 Fax: 0259 3888 763
- Website: www.duongssatthuanhai.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): THR
- Thị trường giao dịch: UPCOM

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Tiền thân của Công ty cổ phần đường sắt Thuận Hải là Khu đường sắt Thuận Hải được thành lập ngày 01/10/1976 trực thuộc Ban quản lý đường sắt III;
- Trong quá trình xây dựng và phát triển để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ SXKD, đời sống CBCNV và phù hợp với xu thế phát triển chung của Ngành, của Đất nước, từ ngày thành lập đến nay đã thay đổi qua các tên gọi như sau:
 - +Từ tháng 10/1976 đến tháng 02/1979: Khu đường sắt Thuận Hải (Quyết định thành lập số 1807/TC-NS ngày 01/10/1976);
 - +Từ tháng 3/1979 đến tháng 12/1983: Đoạn cầu đường Thuận Hải (Quyết định thành lập số 106/TC-NS ngày 02/02/1979);
 - +Từ tháng 01/1984 đến tháng 3/2003: Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Thuận Hải (Quyết định thành lập số 908/NS-TC ngày 30/12/1983);
 - +Từ tháng 04/2003 đến tháng 7/2010: Công ty Quản lý Đường sắt Thuận Hải (Quyết định thành lập số 734/2003/QĐ-BGTVT ngày 20/3/2003);
 - +Từ tháng 8/2010 đến tháng 12/2015: Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Thuận Hải (Quyết định thành lập số 715/QĐ-ĐS ngày 29/6/2010);
 - +Từ tháng 01/2016 đến nay: Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải (Quyết định thành lập số 3890/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015); chính thức đi vào hoạt động từ ngày 15/01/2016.

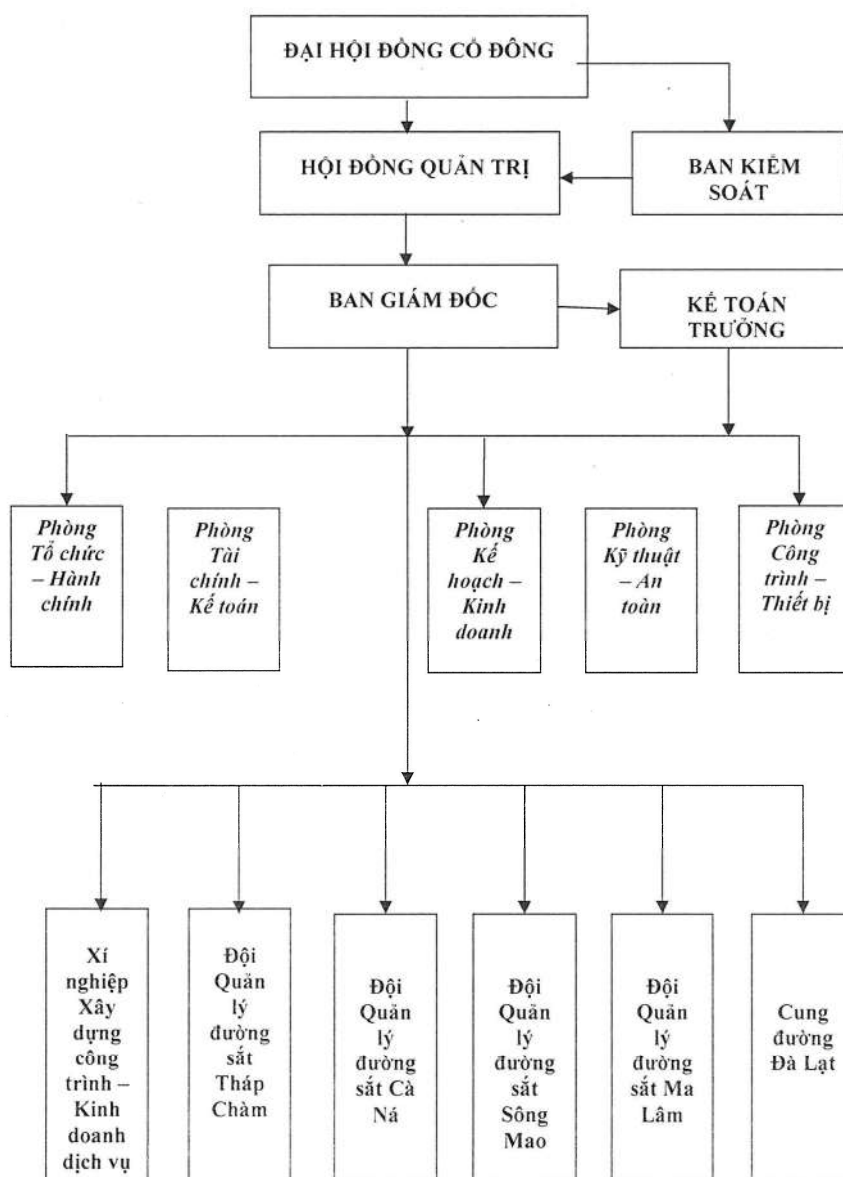
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

- + Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
 - + Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
 - + Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt và đường bộ;
 - + Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động;
 - + Khai thác, sản xuất đá và kinh doanh các sản phẩm từ đá;
 - + Kinh doanh dịch vụ khách sạn, phòng nghỉ.
- Địa bàn kinh doanh:
- + Tuyến đường sắt Thống nhất thuộc địa bàn tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận;
 - + Tuyến đường sắt Đà Lạt – Trại Mát thuộc địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

4.1. Sơ đồ cơ cấu bộ máy của Công ty:



4.2. Công ty con, công ty liên kết: Không có

4.3. Công ty mẹ: Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

- Địa chỉ: 118 đường Lê Duẩn, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

- Vốn điều lệ của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam là: 3.250.000.000.000 VND (Bằng chữ: Ba nghìn hai trăm năm mươi tỷ đồng).

- Ngành, nghề kinh doanh:

+Ngành, nghề kinh doanh chính: Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt; quản lý bảo trì, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt; cung cấp dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt quốc gia; kinh doanh phương tiện vận tải máy móc, thiết bị thực hiện việc bảo trì, xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt; kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước, liên vận quốc tế và dịch vụ hỗ trợ các phương thức vận tải;

+Ngành, nghề có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính: Tư vấn, khảo sát, thiết kế, xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp và dân dụng; tư vấn thiết kế, chế tạo, đóng mới, lắp ráp, hoán cải và sửa chữa các phương tiện, thiết bị, sản xuất phụ tùng, vật tư chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí.

5. Định hướng phát triển.

5.1. Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của ngành đường sắt:

Cải tạo nâng cấp các tuyến hiện có, trong đó ưu tiên trên tuyến đường sắt Bắc Nam.

Đến năm 2020 hoàn thành cải tạo, nâng cấp mạng lưới đường sắt hiện có đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc gia cấp I, hoàn thành kết nối đường sắt với các cảng biển quốc tế, nhà máy khu kinh tế, khu mỏ và các trung tâm du lịch lớn...; phấn đấu hoàn thành xây dựng mới tuyến đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng và Đồng Đăng – Hà Nội, nhanh chóng phát triển giao thông vận tải đường sắt tại các đô thị, trước mắt ưu tiên triển khai tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; ưu tiên xây dựng trước một số đoạn tuyến đường sắt cao tốc Bắc – Nam; từng bước cải tạo mở rộng các khu đoạn đường sắt đơn hiện có thành đường đôi điện khí hóa và mở rộng các tuyến đường sắt đô thị đáp ứng nhu cầu vận tải tại các đô thị lớn.

Đến năm 2030 hoàn thành mạng lưới đường sắt đô thị tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và triển khai xây dựng tại một số thành phố lớn khác; cơ bản hoàn thành tuyến đường sắt cao tốc Bắc – Nam; triển khai xây dựng tuyến đường sắt Tây Nguyên, đường sắt nơi các tỉnh ven biển đồng bằng Bắc Bộ và đường sắt đến các tỉnh đồng bằng Sông Cửu Long.

5.2. Mục tiêu của Công ty:

Xây dựng công ty ngày càng phát triển, đưa công ty trở thành nhà thầu thi công có thương hiệu.

Thực hiện hoàn thành 100% khối lượng, kinh phí bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt do nhà nước đặt hàng và nhiệm vụ, khối lượng đột xuất khác, đẩy mạnh việc tìm kiếm tham gia nhận thầu, đấu thầu các công trình ngoài.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đầu tư thêm máy móc thiết bị, sử dụng có hiệu quả các loại máy móc thiết bị hiện có, nhằm đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ và yêu cầu của Chủ đầu tư, tạo ra dịch vụ tốt, có tính cạnh tranh cao. Tạo đủ việc làm, ổn định thu nhập, cải thiện và nâng cao đời sống cho CBCNV; Đảm bảo Công ty tăng trưởng bền vững, phù hợp với quy hoạch phát triển của ngành.

Hoàn thành mọi nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, góp phần xây dựng phát triển đất nước.

5.3. Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Phát triển bền vững, nhằm đảm bảo giữ cân bằng giữa phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường. Áp dụng công nghệ sạch, tiêu hao ít nhiên liệu bằng cách trang bị, đầu tư các thiết bị công nghệ mới tiên tiến.

Thực hiện các biện pháp quản lý, tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ các hoạt động liên quan đến kết cấu hạ tầng đường sắt để đảm bảo ATCT tuyệt đối; không có tai nạn sự cố chạy tàu do chủ quan, hạn chế thấp nhất các vụ việc, sự cố tai nạn chạy tàu do khách quan; không để xảy ra TNLĐ chết người. Tạo thêm công ăn việc làm cho xã hội trên cơ sở mở rộng sản xuất.

6. Các rủi ro.

6.1. Rủi ro kinh tế:

Năm 2020, mặc dù nền kinh tế chịu ảnh hưởng khá nặng nề của dịch bệnh Covid-19, căng thẳng thương mại toàn cầu, dẫn tới gia tăng bảo hộ thương mại và các rủi ro tài chính có thể trầm trọng thêm bởi đại dịch kéo dài; Tiêu dùng nội địa tiếp tục ở mức thấp bởi thu nhập hộ gia đình và DN giảm, tỷ lệ thất nghiệp gia tăng và thêm nhiều DN tạm ngừng hoạt động; nhưng tăng trưởng kinh tế Việt Nam đã đạt 2,4% và là một trong 4 nền kinh tế trên thế giới có được sự tăng trưởng về GDP bình quân đầu người cao nhất. Đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công, khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, hiệu quả của các biện pháp, giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng thực hiện. CTCP Đường sắt Thuận Hải là một cá thể trong nền kinh tế nên những yếu tố của nền kinh tế thay đổi sẽ tiềm ẩn những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Đại dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng khắp toàn cầu ảnh hưởng đến nền kinh tế thế giới, làm cho tỷ giá đồng USD, đồng EURO, đồng Nhân dân Tệ không ổn định, giá vật tư chuyên ngành, nhiên liệu, điện, nước ảnh hưởng lớn đến chi phí sản xuất, hiệu quả SXKD của Công ty.

Năm 2020 việc ký hợp đồng đặt hàng và tạm ứng vốn nguồn BD KCHTĐS chậm; các chi phí phục vụ sản xuất không ổn định có chiều hướng gia tăng như chi phí bảo hiểm cho người lao động, chi phí nhiên liệu, chi phí phải trả chậm dứt hợp đồng lao động...;

6.2. Rủi ro đặc thù ngành đường sắt:

Kết quả kinh doanh thu được từ các công trình xây dựng cơ bản của Công ty đều chịu ảnh hưởng của sự bất ổn định về giá cả nguyên vật liệu đầu vào, các chính sách kinh tế của Nhà nước trong việc phát triển ngành xây dựng cơ bản.

Ngành đường sắt là một ngành mang tính đặc thù, đòi hỏi sử dụng các loại máy móc chuyên dụng, hiện đại và nguồn nhân lực dài hạn có chất lượng; Do đó lạc hậu về công nghệ hay bất cập trong chính sách chế độ đối với người lao động đều được xem là rủi ro đáng quan tâm.

Bên cạnh đó, xuất hiện ngày càng nhiều các doanh nghiệp xây dựng cơ bản dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt. Công ty sẽ phải đối mặt với rất nhiều khó khăn để giữ vững và mở rộng thị phần cũng như việc khẳng định vị thế của mình trong ngành.

Đặc thù của hoạt động quản lý, bảo trì đường sắt Quốc gia là một trong những lĩnh vực đòi hỏi độ chính xác cao, có tính chất lưu động, độc hại, nguy hiểm, điều kiện lao động ngoài trời, vừa thi công vừa chạy tàu, do đó sản phẩm phải làm đi làm lại nhiều lần, ảnh hưởng đến năng suất lao động, đồng thời có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố; Tình trạng Người và phương tiện không chấp hành luật lệ giao thông khi qua đường ngang biên báo, tự ý băng qua đường sắt, tự mở lối đi dân sinh đã gây không ít khó khăn cho công tác đảm bảo an toàn chạy tàu là những rủi ro cần thiết phải tính đến.

6.3. Rủi ro về giá nguyên vật liệu:

Do nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên biến động giá cả sẽ tác động đến lợi nhuận của Công ty. Giá xăng dầu tăng cao cũng ảnh hưởng tới chi phí vận chuyển của Công ty.

6.4. Rủi ro về luật pháp:

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần đồng thời đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (UPCOM), hoạt động của Công ty cổ phần đường sắt Thuận hải chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán bao gồm Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật lao động, Luật BHXH, các văn bản dưới luật và các quy định đối với công ty đăng ký giao dịch. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

6.5. Rủi ro khác:

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin phòng ngừa tổn thất lớn xảy ra.

6.6. Các giải pháp hạn chế rủi ro:

Kịp thời nắm bắt các định hướng, chiến lược phát triển ngành đường sắt của Chính phủ trong từng kỳ; nắm bắt các kế hoạch đầu tư vào hạ tầng đường sắt.

Điều hành dòng tiền hợp lý, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp.

Thường xuyên đón đầu thu hồi nợ.

Có các biện pháp để quản lý chi phí.

PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình tài chính và các chỉ tiêu tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ % (2020/2019)
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đồng	121.774	131.253	107,8
2	Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập hoạt động khác	Tr.đồng	205	320	156,1

Nhìn chung tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có sự thay đổi. Cụ thể, doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 131,253 tỷ đồng tăng và bằng 107,8% so với cùng kỳ; doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác tăng và bằng 156,1% so với cùng kỳ.

2. Tổ chức và nhân sự.

2.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Lê Văn Hiệu	Chủ tịch HĐQT	
2	Lê Bá Tuấn Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	
3	Nguyễn Hữu Tường	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	

2.1.1. Chủ tịch HĐQT: Lê Văn Hiệu

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 20/10/1973

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Hộ khẩu thường trú: P.Bảo An, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Chỗ ở hiện tại: Phường Bảo An, TP. Phan Rang-T/ Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Số CMND: 264346306; Cấp ngày: 04/12/2018; Nơi cấp: CA. Ninh Thuận

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng cầu đường

Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Chủ tịch HĐQT

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
3/1995 – 12/2001	Xí nghiệp QLĐS Thuận Hải	Công nhân duy tu
01/2002 – 8/2002	Xí nghiệp QLĐS Thuận Hải	Ủy viên BCH Đoàn Thanh niên
09/2002 – 4/2007	Công ty QLĐS Thuận Hải	Phó bí thư ĐTN Công ty
5/2007 – 3/2008	Công ty QLĐS Thuận Hải	Bí thư ĐTN Công ty
4/2008 – 3/2009	Công ty QLĐS Thuận Hải	Phó phòng Tổ chức – Lao động kiêm Bí thư ĐTN
4/2009 – 5/2015	Công ty TNHH MTV QLĐS Thuận Hải	Trưởng phòng Tổ chức – Lao động
6/2015 – 11/2015	Công ty TNHH MTV QLĐS Thuận Hải	Phó Giám đốc
12/2015 - 14/01/2016	Công ty TNHH MTV QLĐS Thuận Hải	Giám đốc
01/2016- 10/2018	Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
Từ 11/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	Chủ tịch HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân: 576.330 cổ phần, chiếm 34,13% Vốn điều lệ, trong đó:

Sở hữu cá nhân: 31.700 cổ phần, chiếm 1,88% Vốn điều lệ

Sở hữu đại diện cho Tổng công ty ĐSVN: 544.630 cổ phần, chiếm 32,25% Vốn điều lệ

Những người có liên quan: Lê Đức Hùng (Anh ruột) nắm giữ 2.200 CP, chiếm 0,13% Vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.1.2. Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc: Lê Bá Tuấn Vũ

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 09/01/1979

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú : 21/9B Lương Văn Can, TP.PR-TC, Ninh Thuận

Chỗ ở hiện tại: 21/9B Lương Văn Can, TP.PR-TC, Ninh Thuận

Số CMND: 264121065; Ngày cấp: 13/3/2019; Nơi cấp: CA. Ninh Thuận

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư

Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Giám đốc, Thành viên HĐQT

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
7/2002 – 11/2002	Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Đức Thuận	Cán bộ kỹ thuật
11/2002 – 01/2004	Trung tâm cầu đường Phía nam (Hội khoa học kỹ thuật Cầu đường Việt nam) TP. HCM	Chuyên viên tư vấn thiết kế
02/2004 – 7/2008	Công ty QLĐS Thuận Hải	Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật
8/2008 – 3/2009	Công ty QLĐS Thuận Hải	Phó phòng Kỹ thuật
4/2009 đến 12/2015	Công ty QLĐS Thuận Hải	Trưởng phòng Kỹ thuật – An toàn; Ủy viên BCH Đảng bộ CTy.
12/2015 – 14/01/2016	Công ty TNHH MTV QLĐS Thuận Hải	Phó Giám đốc
01/2016 – 10/2018	Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
Từ 11/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân: 556.030 cổ phần, chiếm 32,92% Vốn điều lệ, trong đó:

Sở hữu cá nhân: 11.400 cổ phần, chiếm 0,67% Vốn điều lệ

Sở hữu đại diện cho Tổng công ty ĐSVN: 544.630 cổ phần, chiếm 32,25% Vốn điều lệ

Những người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.1.3. Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng: Nguyễn Hữu Tường

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 29/08/1977

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Hộ khẩu thường trú: 49/4 HT Lân Ông, P.Tân Tài, TP.PR-TC, N. Thuận

Nơi ở hiện tại: 49/4 Hải Thượng Lãn Ông, P.Tân Tài, TP.PR-TC, tỉnh NT
Số CMND: 264040298; Ngày cấp: 06/12/2012; Nơi cấp: CA Ninh Thuận
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán
Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ 04/2002 đến 09/2004	Phòng Kế hoạch – Xí nghiệp quản lý ĐS Thuận Hải	Chuyên viên Quản lý kinh tế
Từ 10/2004 đến 09/2005	Phòng Kế hoạch – Công ty QL ĐS Thuận Hải	Chuyên viên Quản lý kinh tế
Từ 10/2005 đến 12/2006	Phòng Kế hoạch – Công ty quản lý ĐS Thuận Hải	Chuyên viên kế hoạch
Từ 01/2007 đến 08/2009	Phòng Tài chính – Kế toán – Công ty quản lý ĐS Thuận Hải	Chuyên viên kế toán
Từ 09/2009 đến 05/2012	Phòng Tài chính – Kế toán – Công ty quản lý ĐS Thuận Hải	Phó phòng
Từ 06/2012 đến 08/2014	Công ty TNHH MTV QLĐS Thuận Hải	Kiểm soát viên chuyên trách
Từ 09/2014 đến 01/2016	Công ty TNHH MTV QLĐS Thuận Hải	Kế toán trưởng
Từ 01/2016 đến nay	Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân: 12.300 cổ phần, chiếm 0,73% VDL

Sở hữu cá nhân: 12.300 cổ phần, chiếm 0,73% Vốn điều lệ

Những người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ung Thị Thùy Linh	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Vũ Tiến Dũng	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Nguyễn Đức Hùng	Thành viên Ban Kiểm soát

2.2.1. Trưởng Ban Kiểm soát: Ung Thị Thùy Linh

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 12/11/1979

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Hộ khẩu thường trú: Khu phố 5 - P.Phủ Hà - TP PRTC - Tỉnh Ninh Thuận.

Chỗ ở hiện tại: Khu phố 5 - P.Phủ Hà - TP PRTC - Tỉnh Ninh Thuận.

Số CMND: 264070010; Ngày cấp: 06/8/2015; Nơi cấp: CA. Ninh Thuận

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - chuyên ngành Kế toán

Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Trưởng Ban kiểm soát

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ 10/2002 - 12/2002	Công ty TNHH Chế Biến Gỗ Đông Tâm	Nhân viên kế toán
Từ 1/2003 - 10/2007	Cty Xổ Số Kiến Thiết Ninh Thuận	Nhân viên kế toán, Bí thư đoàn TN
Từ 11/2007 đến 4/2012	Cty QLĐS Thuận Hải	Nhân viên kế toán
Từ 5/2012 đến 6/2012	Cty TNHH MTV QLĐS Thuận Hải	Phó BT đoàn TN, nhân viên kế toán
Từ 7/2012 đến 8/2014	Cty TNHH MTV QLĐS Thuận Hải	Phó phòng kế toán, Phó BT đoàn TN
Từ 9/2014 – 01/2016	Cty TNHH MTV QLĐS Thuận Hải	Kiểm soát viên chuyên trách
Từ 01/2016 đến nay	Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	Trưởng ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân: 16.700 cổ phần, 0,99% Vốn điều lệ

Sở hữu cá nhân: 16.700 cổ phần, chiếm 0,99% Vốn điều lệ

Những người có liên quan: Cao Văn Vinh (chồng) nắm giữ 1.000 CP, chiếm 0,06% Vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.2.2. Thành viên Ban Kiểm soát: Vũ Tiến Dũng

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 22/12/1980

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh
 Hộ khẩu thường trú: 44/10 Bắc Ái, P. Đô Vinh, TP.PR-TC, Ninh Thuận
 Nơi ở hiện tại: Xã Phước Thuận, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận
 Số CMND: 264180772; Ngày cấp: 14/8/2007; Nơi cấp: CA. Ninh Thuận
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Quản trị kinh doanh
 Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Thành viên Ban kiểm soát kiêm Phó phòng Công trình – Thiết bị

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ 06/2005 – 2009	Cty QLĐS Thuận Hải	Chuyên viên kế hoạch
Từ 2009 – 11/2015	Cty TNHH MTV QLĐS Thuận Hải	Phó phòng Kế hoạch
Từ 11/2015 – đến 01/2016	Cty TNHH MTV QLĐS Thuận Hải	Phó phòng Công trình – Thiết bị
Từ 01/2016 đến nay	Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	Thành viên BKS kiêm Phó phòng Công trình – Thiết bị

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân: 1.000 cổ phiếu, chiếm 0,06% VDL

Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần, chiếm 0,06% Vốn điều lệ

Những người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.2.3. Thành viên Ban Kiểm soát: Nguyễn Đức Hùng

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 01/01/1982

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Hộ khẩu thường trú: P.Đô Vinh, T.P Phan Rang – T/Chàm – Ninh Thuận.

Nơi ở hiện tại: P.Đô Vinh, T.P Phan Rang – T/Chàm – Ninh Thuận.

Số CMND: 186048505; Ngày cấp: 03/04/2014; Nơi cấp: CA. Nghệ An

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cầu đường sắt

Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Thành viên Ban kiểm soát kiêm đội trưởng Đội QLDS Sông Mao

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ 01/04/2006 đến 6/2010	Cty QLDS Thuận Hải	Công nhân duy tu
Từ 6/2010 đến 12/2015	Cty TNHH MTV QLDS Thuận Hải	Kỹ thuật viên
Từ 12/2015 đến 01/2016	Cty TNHH MTV QLDS Thuận Hải	Kỹ thuật viên
Từ 01/2016 đến 05/2019	Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	Thành viên BKS kiêm Kỹ thuật viên
Từ 5/2019 đến nay	Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	Thành viên BKS kiêm đội phó đội QLDS Sông Mao

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân: 900 cổ phần, chiếm 0,05% Vốn điều lệ

Sở hữu cá nhân: 900 cổ phần, chiếm 0,05% Vốn điều lệ

Những người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.3. Thành viên Ban giám đốc, kế toán trưởng:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Bá Tuấn Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
2	Nguyễn Văn Cung	Phó Giám đốc
3	Hà Mạnh Cường	Phó Giám đốc
4	Nguyễn Hữu Tường	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

2.3.1. Giám đốc: Lê Bá Tuấn Vũ (Thông tin đã có trong phần Thành viên HĐQT ở trên).

2.3.2. Phó Giám đốc: Nguyễn Văn Cung

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 29/04/1964

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Hộ khẩu thường trú: KP 3, P. Đô Vinh, TP.PR-TC, tỉnh Ninh Thuận

Nơi ở hiện tại: KP 3, P. Đô Vinh, TP.PR-TC, tỉnh Ninh Thuận

Số CMND: 264246194; Ngày cấp: 07/01/2014; Nơi cấp: CA Ninh Thuận
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng đường sắt
 Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Phó Giám đốc
 Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ 07/1991 đến 09/1997	Phòng Kỹ thuật – Xí nghiệp Đường sắt Thuận Hải	Kỹ thuật viên
Từ 10/1997 đến 09/1999	Phòng Quản lý sản xuất – Công ty công trình giao thông 677	Cán bộ kỹ thuật
Từ 10/1999 đến 06/2001	Phòng Kỹ thuật – Xí nghiệp Đường sắt Thuận Hải	Kỹ thuật viên
Từ 07/2001 đến 07/2003	Phòng Kỹ thuật – Xí nghiệp Đường sắt Thuận Hải	Phó phòng
Từ 08/2003 03/2008	Phòng Kỹ thuật – Công ty QL Đường sắt Thuận Hải	Trưởng phòng
Từ 04/2008 đến 14/01/2016	Công ty QLý Đường sắt Thuận Hải	Phó Giám đốc Công ty
Từ 01/2016 đến nay	Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	Phó Giám đốc Công ty

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân: 2.300 cổ phần, chiếm 0,14% Vốn điều lệ

Sở hữu cá nhân: 2.300 cổ phần, chiếm 0,14% Vốn điều lệ

Những người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.3.3. Phó Giám đốc: Hà Mạnh Cường

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 01/03/1962

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Hộ khẩu thường trú: P.Phước Mỹ, TP. Phan Rang-T/ Chăm, tỉnh Ninh Thuận

Nơi ở hiện tại: P.Phước Mỹ, TP. Phan Rang-Tháp Chăm, tỉnh Ninh Thuận

Số CMND: 264044238; Ngày cấp: 02/04/2011; Nơi cấp: CA Ninh Thuận

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Phó Giám đốc.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ 05/1983 đến 05/1986	Đội Cầu đường Sông Mao – Xí nghiệp quản lý ĐS Thuận Hải	Công nhân cung đường Sông Lòng Sông
Từ 06/1986 đến 03/1993	Đội Cầu đường Ma Lâm – Xí nghiệp quản lý ĐS Thuận Hải	Cung trưởng Cung đường Sông Lũy
Từ 04/1993 đến 12/1993	Phòng Tổ chức lao động tiền lương – Xí nghiệp quản lý ĐS Thuận Hải	Cán sự tiền lương
Từ 01/1994 đến 05/2000	Phòng Tổ chức lao động tiền lương – Xí nghiệp quản lý ĐS Thuận Hải	Phó phòng
Từ 6/2000 đến 09/2004	Phòng Tổ chức lao động tiền lương – Xí nghiệp quản lý ĐS Thuận Hải	Trưởng phòng
Từ 10/2004 đến 03/2008	Phòng Tổ chức lao động – Công ty quản lý ĐS Thuận Hải	Trưởng phòng
Từ 04/2008 đến 14/01/2016	Công ty Quản lý Đường sắt Thuận Hải	Phó Giám đốc Công ty
Từ 01/2016 đến nay	Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	Phó Giám đốc Công ty

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân: chiếm 3.000 cổ phần, chiếm 0,18%

Vốn điều lệ

Sở hữu cá nhân: 3.000 cổ phần, chiếm 0,18% Vốn điều lệ

Những người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.3.4. Kế toán trưởng: Nguyễn Hữu Tường (Thông tin đã có trong phần Thành viên HĐQT ở trên).

3. Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BGĐ trong năm 2020

Trong năm, không thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BGĐ.

4. Số lượng cán bộ, nhân viên (theo danh sách ngày 31/12/2020)

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	398	100%
1	Trên đại học	0	0%
2	Đại học	64	16,08%
3	Cao đẳng	3	0,75%
4	Trung cấp	44	11,06%
5	CNKT	287	72,11%

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	398	100%
1	Người đại diện phần vốn Nhà nước (chủ tịch HĐQT, Giám đốc)	02	0,50 %
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	364	91,46%
3	Hợp đồng xác định thời hạn	32	8,04%
4	Hợp đồng thời vụ	0	0%
C	Theo giới tính	398	100%
1	Nam	357	89,7%
2	Nữ	41	10,3%

5. Chính sách nhân sự

Để xây dựng nguồn lực, công ty đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công nhân viên, thực hiện chính sách thu hút lao động. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ.

Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động. Xây dựng chính sách lương, thưởng dựa trên năng suất, chất lượng công việc, đảm bảo tính cạnh tranh với các doanh nghiệp trong ngành nhằm động viên khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc.

Ngoài tiền lương, công ty xây dựng chế độ thưởng dựa trên hướng dẫn chung của ngành. Mặt khác việc chăm lo phúc lợi xã hội khác cho người lao động như tham quan, nghỉ mát, du lịch; tổ chức các phong trào văn hóa, thể thao.... nhằm nâng cao đời sống tinh thần.

6. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án trong năm 2020

TT	Nội dung, hạng mục đầu tư	Số lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Xe Ô tô tải gắn cầu THACO OLIN	1	907	Q4/2020	
2	Máy chèn đường cầm tay (Nhật)	1	249,8	Q4/2020	

7. Tình hình tài chính

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ % (2020/2019)
1	Tổng tài sản	Tr.đồng	58.099	113.372	
2	Doanh thu thuần	Tr.đồng	121.774	131.253	107,78
3	Giá vốn	Tr.đồng	104.115	111.888	107,47
4	Doanh thu hđ tài chính	Tr.đồng	199	307	154,27
5	Chi phí tài chính	Tr.đồng	0	16	

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ % (2020/2019)
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đồng	14.170	15.786	111,40
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tr.đồng	3.687	3.870	
8	Lợi nhuận khác	Tr.đồng	2	12	
9	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	3.690	3.882	105,2
10	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	2.913	3.317	113,9
11	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.233	1.964	

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,19	1,09
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,14	0,47
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	63,8	80,8
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	176,2	421,7
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	20,7	4,8
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,3	1,5
Chỉ tiêu khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/ Tổng tài sản	%	5,5	2,9
Hệ số LNST/ VCSH	%	16,08	18,02

8. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

8.1. Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 1.688.860 cổ phiếu

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 1.688.860 cổ phần

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Mệnh giá 10.000đ/cổ phần

8.2. Cơ cấu cổ đông (thời điểm 31/12/2020)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước			
1	Cá nhân	599.600	5.996.000.000	35,503%

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
2	Tổ chức	1.089.260	10.892.600.000	64,497%
II	Cổ đông nước ngoài			
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-
Tổng cộng		1.688.860	16.888.600.000	100%

8.3. Danh sách cổ đông lớn (thời điểm 31/12/2020);

Tên nhà đầu tư	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Tổng công ty ĐSVN	1.089.260	64,497%

8.4. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

8.5. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

8.6. Các chứng khoán khác: Không

9. Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng.

9.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào chính của Công ty chủ yếu là các vật tư chuyên ngành được cung cấp bởi các Công ty trong ngành đường sắt, các đơn vị được công nhận cung cấp vật tư đường sắt và nhập khẩu được kiểm soát nghiêm ngặt bởi Bộ Giao thông vận tải, Tổng Công ty đường sắt Việt Nam và Công ty trước khi đưa vào sử dụng công trình như: ray, ghi, tà vẹt bê tông dự ứng lực, tà vẹt gỗ, đá balats... Còn đối với vật tư đầu vào để Công ty sản xuất các cấu kiện bê tông cốt thép, gia công cấu kiện sắt thép, biển báo như: cát, đá, xi măng, sắt thép, sơn... được mua tại các đơn vị có uy tín và được kiểm nghiệm đầy đủ trước khi đưa vào sản xuất. Vì vậy, quy trình sản xuất các sản phẩm của Công ty được đảm bảo từ đầu vào đến đầu ra.

Thực hiện tốt các quy định về công tác quản lý, nhập xuất vật tư, thành phẩm. Rà soát thanh lý các loại vật tư, phụ tùng không còn sử dụng trong sản xuất để thu hồi vốn.

9.2. Tiêu thụ năng lượng:

Năng lượng sử dụng trong quá trình hoạt động của Công ty gồm có Xăng, dầu, điện, nhưng việc sử dụng năng lượng trong quá trình hoạt động chiếm rất ít. Chủ yếu năng lượng được dùng trong công tác vận hành một số máy móc thi công đường sắt, sử dụng cho công tác kiểm tra, giám sát, phục vụ làm việc cho bộ máy gián tiếp Công ty.

9.3. Tiêu thụ nước:

Công ty ký hợp đồng mua nước tại các Công ty cung cấp nước sạch trên địa bàn hai tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận để phục vụ nước sinh hoạt cho các đơn vị

trong toàn Công ty, Đối với những khu vực không có nước sạch Công ty cung cấp thiết bị lọc nước nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Đối với những khu vực sản xuất cấu kiện bê tông được sử dụng giếng khoan nơi có nguồn nước ngầm sạch nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm

Hiện tại Công ty chưa có hệ thống tái chế sử dụng lại các nguồn nước qua sử dụng.

9.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty đã xây dựng kế hoạch thực hiện bảo vệ môi trường phổ biến trong toàn đơn vị.

Tuyên truyền vận động đến toàn thể CBCNV hưởng ứng, thực hiện nhiều chiến dịch bảo vệ môi trường như ngày môi trường thế giới 05/6, ngày môi trường đường sắt ngày 05/11 và các chiến dịch khác về môi trường do nhà nước phát động.

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

9.5. Chính sách liên quan đến người lao động.

9.5.1. Thu nhập bình quân:

Chỉ tiêu	2018	2019	2020
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	9.200.000	9.700.000	10.500.000

9.5.2. Chính sách đào tạo:

CBCNV công ty đều được đào tạo đầy đủ chứng chỉ liên quan đến nhiệm vụ của mình làm, công ty thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề.

Đối với công nhân mới tuyển dụng đã qua trường lớp cơ bản, hàng năm Công ty có gửi đi đào tạo nghề.

Đối với cán bộ quản lý công ty có những chính sách: Thực hiện quy hoạch cán bộ nguồn trung và dài hạn, Ưu tiên đào tạo nâng cao lớp cán bộ trẻ, hàng năm đều cử các cán bộ đi tập huấn.

9.5.3. Chế độ khen thưởng:

Chế độ khen thưởng cho CBCNV gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và năng suất lao động. Hàng năm công ty có phát động các đợt thi đua nhằm kịp thời khen thưởng cho những tập thể và cá nhân xuất sắc.

9.5.4. Chế độ phụ cấp, bảo hiểm:

Tất cả CBCNV Công ty đều được đóng và hưởng các chế độ bảo hiểm theo quy định. Các chế độ phụ cấp để động viên như phụ cấp độc hại, phụ cấp kiêm nhiệm, chức vụ đều được thanh toán đầy đủ kịp thời theo từng kỳ lương.

Là doanh nghiệp SXKD có phạm vi hoạt động trải dài, việc bố trí nơi ở cho

CBCNV cũng đã được Công ty quan tâm giúp CBCNV yên tâm công tác.

9.5.5. Sinh hoạt đoàn thể và các chính sách khác:

Các tổ chức chính trị xã hội như Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên trong Công ty được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật. Trong năm các tổ chức đoàn thể đã phối hợp với chuyên môn tổ chức có hiệu quả các phong trào thi đua, các hoạt động sinh hoạt đoàn thể, hoạt động văn hóa thể thao.

9.5.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Tích cực tham gia các phong trào hỗ trợ phát triển cộng đồng trên các mặt kinh tế, xã hội kể cả việc hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng như: phát triển sản xuất, tạo thêm việc làm cho người kinh doanh tại địa phương và các tỉnh, thành phố lân cận; tham gia các cuộc vận động, các phong trào tương thân, tương ái, xây dựng nhà tình nghĩa, giữ gìn trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn.

PHẦN III

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.1. Khối lượng, sản lượng sản xuất chính đã thực hiện:

Hoàn thành 100% khối lượng bảo dưỡng thường xuyên định kỳ theo hợp đồng đặt hàng của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, tổng doanh thu đạt 105,4 tỷ đồng với các sản phẩm chính gồm:

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
A. Tuyến Đường sắt Thống nhất				
1	Đường chính	Km	164,166	
2	Đường ga	Km	19,485	
3	Ghi	Bộ	100,000	
4	Cầu	100m	28,127	
5	Cống	100m	48,768	
6	Nhà ga, kho ga	100m ²	66,739	
7	Ke ga bãi hàng	100m ²	24,830	
8	Điểm gác đường ngang	Điểm	13,000	
B. Tuyến Đường sắt Đà Lạt- Trại mát				
1	Đường chính	Km	6,645	
2	Đường ga	Km	0,810	
3	Ghi	Bộ	9,000	
4	Cống	100m	3,800	
5	Nhà ga, kho ga	100m ²	26,146	
6	Ke ga bãi hàng	100m ²	8,962	

1.2. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác

Cùng với việc hoàn thành khối lượng bảo dưỡng thường xuyên KCHT đường sắt, Công ty đã chủ động tìm kiếm công trình ngoài; trong năm 2020 Công ty đã thi công một số công trình ngoài gồm: Gói thầu 15 thuộc dự án 7.000 tỷ: cải tạo nâng cấp CT thiết yếu Km 1419 - 1436, quản lý sản xuất TVBT DUL TN1, CT rãnh dọc thoát nước thuộc huyện Trảng Bom – Đồng Nai. các công trình đều hoàn thành đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ.

1.3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu so với Nghị quyết

T T	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện		Tỷ lệ % thực hiện năm so với	
				Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Kế hoạch
I	Chỉ tiêu tài chính						
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đ		121.773,8	131.252,5		
2	Giá vốn	Tr.đ		104.115,4	111.887,8		
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đ		17.658,4	19.364,7		
4	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đ		199,3	307,4		
5	Chi phí tài chính	Tr.đ		0	16,1		
6	Chi phí bán hàng	Tr.đ					
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đ		14.170,3	15.786,5		
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tr.đ		3.687,4	3.869,6		
9	Thu nhập khác	Tr.đ		5,7	12,1		
10	Chi phí khác	Tr.đ		3,3	0		
11	Lợi nhuận khác	Tr.đ		2,4	12,1		
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Tr.đ	3.850	3.689,8	3.881,7	105,2	100,8
13	Chi phí thuế TNDN	Tr.đ	779	776,3	564,2		
14	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	3.071	2.913,5	3.317,5	113,9	108,0
15	Tỷ lệ trả cổ tức	%	10,8	10,6	10,8	101,9	100

T T	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện		Tỷ lệ % thực hiện năm so với	
				Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Kế hoạch
16	Thu nhập BQ	1000 đ/ng/t	10.000	9.700	10.500	108,2	105,0
17	Vốn điều lệ	Tr.đ	16.888	16.888	16.888	100	100

Theo đó, năm 2020 Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, thu nhập đều vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

2. Tình hình tài chính.

2.1. Tình hình tài sản:

Biến động tài sản cố định năm 2020, đánh giá giá hiệu quả sử dụng tài sản:

TSCĐ tăng, giảm	Tăng (đồng)	Giảm (đồng)
I. TSCĐ		
1. Phương tiện vận tải đường bộ	907.278.182	
2. Máy móc thiết bị	249.800.000	

Tình hình tài chính công ty biến động theo chiều hướng tốt, vốn công ty được bảo toàn và sử dụng có hiệu quả cao, Công ty không có tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Nợ phải trả đến thời điểm 31/12/2020: 91.640.100.969 đ Trong đó:

+ Nợ ngắn hạn: 91.640.100.969 đ

+ Nợ dài hạn: 0 đ

Nợ phải trả xấu: không có

Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Không có

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Ứng dụng công nghệ mới trong XDCB và bảo dưỡng kết cấu hạ tầng: Sử dụng máy chèn đường của Áo, máy chèn đường của Pháp, máy sàng đá, các máy nâng mồi gục, máy siết bu lông, máy thay tà vẹt bê tông... trong những năm qua Công ty đã đầu tư mua sắm mới máy chèn đường cầm tay Nhật Bản, máy cắt Ray Nhật Bản tăng tỷ lệ sử dụng máy móc thay thế dần lao động chân tay.

Áp dụng thành quả của công nghệ thông tin trong công tác thống kê và ứng dụng các phần mềm trong quản lý và trao đổi thông tin. Hoàn thiện phần mềm kế toán EFFECT phục vụ cho công tác kế toán và quản trị Công ty được cập nhật kịp thời.

Đưa công tác thống kê theo dõi và phân tích để tìm nguyên nhân và nghiên cứu khắc phục các điểm xóc lắc đảm bảo cầu đường êm thuận, an toàn.

Đưa nhanh các ứng dụng tin học vào công tác quản lý điều hành sản xuất. Khai thác triệt để các phần mềm ứng dụng hiện có, thường xuyên cập nhập phần mềm mới. Đi sâu vào khai thác mạng internet phục vụ cho công việc.

Đổi mới công tác quản lý, tạo sự thống nhất giữa cầu và đường, kết hợp đánh giá kết quả lao động và thu nhập cá nhân.

Nâng cao hiệu quả quản lý công tác tuần đường, gác chắn đường ngang (lắp đặt camera tại các chắn đường ngang); đề xuất việc hoàn thiện các quy trình quản lý tuần đường, các quy trình bảo dưỡng cầu, đường, tiêu chuẩn nghiệm thu cầu, đường, ghi phù hợp với kết cấu mới và khả năng khai thác tuyến đường cũng như một số quy trình quản lý các hạng mục kiến trúc khác.

Công tác quản lý kỹ thuật, tiền vốn, vật tư, lao động ... phát triển theo hướng cơ chế khoán, kết quả là nâng cao trách nhiệm, năng lực và thể chủ động trong quá trình sản xuất của các đơn vị cấp dưới, phát huy hiệu quả đầu tư nâng cao chất lượng cầu đường.

Tiến hành đào tạo và đào tạo lại đối với cán bộ quản lý kỹ thuật về kiến thức quản lý kỹ thuật, kiến thức pháp luật và đặc biệt chú trọng việc cập nhật kiến thức để kiểm tra sát hạch nâng lương cả về chuyên môn, tin học thực hành và pháp luật. Phấn đấu xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và công nhân lành nghề có trình độ kỹ năng chuyên sâu có khả năng nắm bắt các thao tác, vận hành máy móc thiết bị và các ứng dụng mới. Đội ngũ kỹ sư của Công ty sử dụng thành thạo vẽ kỹ thuật trên máy vi tính nên việc thiết kế các bản vẽ thi công hay thiết kế tổ chức thi công các công trình được nhanh chóng; thuận lợi, đáp ứng yêu cầu cao về kỹ thuật

4. Kế hoạch phát triển năm 2021 và trong tương lai:

4.1. Các chỉ tiêu chủ yếu.

Đảm bảo ATCT tuyệt đối, không có tai nạn, sự cố chạy tàu do chủ quan gây ra; quản lý, bảo dưỡng KCHTĐS ổn định, phục vụ khai thác chạy tàu theo công lệnh tốc độ quy định.

Thực hiện hoàn thành 100% khối lượng, kinh phí SCTX theo hợp đồng đặt hàng; tổ chức thi công các công trình ngoài SXC đảm bảo chất lượng, tiến độ và yêu cầu của Chủ đầu tư.

Đảm bảo các tiêu chí cơ bản về sản xuất kinh doanh và chỉ tiêu tài chính theo nghị quyết ĐHĐCĐ hàng năm.

Quản lý tài chính lành mạnh chặt chẽ, đúng quy định; thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ đối với nhà nước; giải quyết chế độ, chính sách cho người lao động kịp thời, đúng quy định

4.2. Giải pháp thực hiện

Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, thực hiện tốt công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo để hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.

Tích cực nắm bắt, theo dõi để tham gia đấu thầu, nhận thầu. Tiếp tục nghiên cứu thay đổi mô hình sản xuất để nâng cao năng lực đấu thầu.

Nghiên cứu, xây dựng, thực hiện sử dụng lao động, tổ chức sản xuất theo hướng tinh giảm đầu mối.

Tiếp tục bổ sung, sửa đổi và ngày càng hoàn thiện hệ thống quy chế nội bộ nhằm tăng cường công tác điều hành, quản lý, giám sát có hiệu quả cao.

Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các phương án, biện pháp đảm bảo ATCT tuyệt đối, thường xuyên quan tâm đến công tác kiểm tra, đảm bảo ATCT tại các đường ngang, lối đi dân sinh.

Tăng cường các biện pháp đảm bảo ATLD, PCCN; tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức tự phòng ngừa TNLD.

Thường xuyên quan tâm chăm lo đến đời sống CBCNV đảm bảo 100% CBCNV có việc làm ổn định, tăng thu nhập, tạo điều kiện để CBCNV được hưởng các chế độ phúc lợi.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Công ty triệt để tiết kiệm nguồn năng lượng và hạn chế xả thải ra môi trường. Tăng cường việc trồng cây xanh, đảm bảo môi trường sản xuất xanh, sạch, an toàn.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công ty luôn quan tâm, chăm lo đến đời sống CBCNV - người lao động trong Công ty cả về vật chất và tinh thần. Đảm bảo đủ việc làm và có thu nhập ở mức khá so với mặt bằng chung của ngành với mức bình quân 10.500.000đ/người/tháng. Đóng BHXH đầy đủ, giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách BHXH, ốm đau, thai sản, nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, tiền lương, tiền thưởng, chế độ ăn giữa ca; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động. Tổ chức khám sức khỏe toàn diện, định kỳ hàng năm cho người lao động, bố trí công việc phù hợp với điều kiện sức khỏe và khả năng của người lao động. Thường xuyên quan tâm công tác đào tạo: tạo điều kiện cho người lao động đi học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, gửi tham dự các lớp tập huấn, các lớp đào tạo của Tổng công ty hoặc các tổ chức khác.

Phong trào văn hóa văn nghệ, TDTT được Công ty quan tâm, tạo sân chơi lành mạnh cho người lao động: tham gia các giải bóng đá phong trào của địa phương và Hội thao Công ty.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Phát triển sản xuất, tạo thêm việc làm cho người lao động tại địa phương và các tỉnh, thành phố lân cận; tham gia các cuộc vận động, các phong trào tương thân, tương ái, giữ gìn trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn.

PHẦN IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

1. Đặc điểm tình hình.

- Ngành đường sắt đang trong giai đoạn hoàn thiện công tác tái cơ cấu, đối diện với sức cạnh tranh lớn từ các phương tiện vận tải khác, đầu tư của Nhà nước cho các dự án, công trình nhất là đầu tư vào kết cấu cơ sở hạ tầng đường sắt (CSHT ĐS) còn hạn chế; nguy cơ, tiềm ẩn tai nạn chạy tàu tại các đường ngang vẫn còn nhiều phức tạp.

- Quá trình thực hiện nhiệm vụ Công ty luôn được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Tổng công ty ĐSVN, Bộ Giao thông Vận Tải, sự phối hợp và tạo điều kiện từ các Ban của Tổng Công ty, các cơ quan đơn vị liên quan;

- Người đại diện cổ đông lớn - Tổng công ty ĐSVN trực tiếp lãnh đạo điều hành Công ty, các cổ đông còn lại phần lớn (trên 95%) hiện đang là CBCNV Công ty; vì vậy trong hoạt động SXKD dễ được chia sẻ và đồng thuận;

- Cán bộ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt có nhiều kinh nghiệm và luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quản lý, chỉ đạo điều hành; có đội ngũ công nhân lành nghề, cần cù, chịu khó trong lao động sản xuất, luôn tin tưởng ở lãnh đạo công ty;

- Năm 2020 Nhà nước triển khai dự án 7.000 tỷ để nâng cấp, sửa chữa kết cấu CSHTĐS góp phần thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu theo kế hoạch đề ra;

- Việc ký hợp đồng đặt hàng và tạm ứng vốn nguồn BD KCHTĐS chậm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty;

- Tình trạng Người và phương tiện không chấp hành luật lệ giao thông khi qua đường ngang biển báo, tự ý băng qua đường sắt, tự mở lối đi dân sinh đã gây không ít khó khăn cho công tác đảm bảo an toàn chạy tàu.

2. Công tác quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

2.1 Đánh giá chung:

- Bước vào năm kế hoạch, HĐQT đã xác định rõ những khó khăn, thuận lợi và nhiệm vụ cơ bản, từ đó xây dựng các biện pháp phù hợp, nâng cao hiệu quả quản lý chuyên môn; quá trình thực hiện đã phát huy lợi thế thuận lợi, khắc phục những khó khăn, chỉ đạo, điều hành linh hoạt, tiếp tục củng cố mối quan hệ nội bộ; nghiêm túc rút kinh nghiệm những việc còn tồn tại; tăng cường các biện pháp quản lý, điều hành, hạn chế thiếu sót.

- Các thành viên trong HĐQT tích cực phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả cao; Quá trình thực hiện HĐQT luôn bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ; thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, tôn trọng và đảm bảo quyền của Cổ đông, đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của doanh nghiệp và các thành phần có liên quan khác; phối hợp và hỗ trợ giám đốc Công ty giải quyết những vướng mắc với các đối tác, thường xuyên có sự trao đổi để đạt được sự thống nhất cao trong quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty.

2.2. Công tác sản xuất kinh doanh:

- Trên cơ sở kế hoạch, các chỉ tiêu mà Tổng Công ty giao, Hội đồng quản trị đã xây dựng kế hoạch SXKD chi tiết cho năm kế hoạch để làm cơ sở quản lý, điều hành.

- Tích cực làm việc với Tổng công ty để thương thảo và ký kết hợp đồng đặt hàng sản phẩm quản lý, bảo trì KCHTĐS; chỉ đạo xây dựng phương án tác nghiệp hàng quý trình Tổng công ty phê duyệt đồng thời triển khai, tổ chức thực hiện đảm bảo hoàn thành toàn bộ khối lượng, kinh phí quản lý, bảo trì KCHTĐS đúng tiến độ, chất lượng, đáp ứng yêu cầu của Đơn vị đặt hàng.

- HĐQT đã tích cực trong việc nhận thầu, đấu thầu các công trình thuộc dự án 7.000 tỷ, tiếp tục phối hợp với Công ty CPCT 6 để sản xuất tà vẹt bê tông dự ứng lực, vì vậy đã tăng thêm việc làm, tiền lương cho người lao động, góp phần

tăng lợi nhuận đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch.

- Quá trình thực hiện theo định kỳ (quý) và đột xuất HĐQT đều có đánh giá kết quả thực hiện, đề ra chỉ tiêu, biện pháp kịp thời phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ thông qua nghị quyết, văn bản phân công chỉ đạo; trong năm đã ban hành các nghị quyết, văn bản chỉ đạo, cụ thể là:

- +Ban hành 09 nghị quyết về đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, công tác của kỳ trước, đề ra kế hoạch, nhiệm vụ công tác và một số biện pháp thực hiện của kỳ tiếp theo.

- +Ban hành 37 văn bản, tờ trình, báo cáo về việc chỉ đạo công tác SXKD và quản lý điều hành các mặt công tác; liên quan đến công tác ĐHĐCĐ....

2.3. Một số công tác sau Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.

- Sau Đại hội Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 (ĐH ĐCĐTN) Công ty đã thực hiện ngay việc sửa đổi các quy chế quy định cho phù hợp với điều lệ và phục vụ SXKD, quản lý;

- Thông báo đến các cổ đông về việc chi trả cổ tức năm 2019 (đối tượng, thời gian, tỷ lệ, phương thức, địa điểm...vv) với tổng số tiền là 1.790.191.600 đồng, trong đó cổ đông tập thể (tổng công ty ĐSVN) là 1.154.615.600 đồng và thực hiện chi trả đúng theo quy định;

2.4. Công tác quản lý tài sản, công nợ.

- Tài sản của Nhà nước, của Công ty được quản lý chặt chẽ đúng quy định; Chỉ đạo tổ chức, bố trí cũng như sử dụng các nguồn vốn hợp lý, bảo toàn và phát triển vốn của Nhà nước tại Công ty.

- Tài sản của Công ty được trích khấu hao đúng quy định và phù hợp với tình hình SXKD (phương pháp khấu hao đường thẳng); năm 2020 kinh phí trích khấu hao là 1.301.363.815 đồng.

- Việc quản lý tiền mặt, công nợ được thực hiện đúng quy định; HĐQT đã chỉ đạo các cá nhân, đơn vị liên quan theo dõi, thực hiện giải quyết công nợ đảm bảo tỷ lệ công nợ, nợ phải thu, nợ phải trả nằm trong phạm vi cho phép.

- Mặc dù nguồn vốn giải ngân các công trình khó khăn, song nhờ sự phân bổ, nắm bắt, điều hành hợp lý nên Công ty luôn đảm bảo nguồn vốn để thi công các công trình XD CB, các công trình đột xuất nhằm tăng thu nhập cho người lao động, nâng cao năng lực cho Công ty.

2.5. Công tác khác:

- Công tác báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất được thực hiện theo quy định; Báo cáo tài chính hàng quý được thực hiện đúng và kịp thời; trong quá trình thực hiện báo cáo tài chính, Trường ban kiểm soát đã phối hợp giám sát, nắm bắt số liệu, xem xét hồ sơ để có phản ánh với Kế toán trưởng và Chủ tịch HĐQT.

- Phối hợp và tạo điều kiện cho Tổ chức đoàn thể thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình, quá trình thực hiện luôn đảm bảo lợi ích hợp pháp cho người lao động; không ngừng quan tâm đầu tư cải thiện điều kiện làm việc và từng bước nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho CBCNV.

3. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020:

T T	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện		Tỷ lệ % thực hiện năm so với	
				Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Kế hoạch
I	Chỉ tiêu tài chính						
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đ		121.773,8	131.252,5		
2	Giá vốn	Tr.đ		104.115,4	111.887,8		
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đ		17.658,4	19.364,7		
4	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đ		199,3	307,4		
5	Chi phí tài chính	Tr.đ		0	16,1		
6	Chi phí bán hàng	Tr.đ					
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đ		14.170,3	15.786,5		
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tr.đ		3.687,4	3.869,6		
9	Thu nhập khác	Tr.đ		5,7	12,1		
10	Chi phí khác	Tr.đ		3,3	0		
11	Lợi nhuận khác	Tr.đ		2,4	12,1		
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Tr.đ	3.850	3.689,8	3.881,7	105,2	100,8
13	Chi phí thuế TNDN	Tr.đ	779	776,3	564,2		
14	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	3.071	2.913,5	3.317,5	113,9	108,0
15	Tỷ lệ trả cổ tức	%	10,8	10,6	10,8	101,9	100
16	Thu nhập BQ	1000 đ/ng/t	10.000	9.700	10.500	108,2	105,0
17	Vốn điều lệ	Tr.đ	16.888	16.888	16.888	100	100

4. Về lựa chọn đơn vị kiểm toán:

Được sự ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT đã lựa chọn Công ty TNHH tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt là đơn vị thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020. Đây là đơn vị kiểm toán nằm trong danh sách những đơn vị kiểm toán độc lập được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức giao dịch trên thị trường chứng khoán

5. Lương, thù lao của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát năm 2020

Lương, thù lao của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát năm 2020:

DVT: 1.000 Đồng

STT	Họ Và Tên	Chức danh	Lương	Thù lao	Ghi chú
1	Lê Văn Hiệu	Chủ tịch HĐQT	442.656		
2	Lê Bá Tuấn Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	384.192	37.584	
3	Nguyễn Hữu Tường	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	345.216	37.584	
4	Hà Mạnh Cường	Phó giám đốc	364.704		
5	Nguyễn Văn Cung	Phó giám đốc	364.704		
6	Ung Thị Thùy Linh	TB Kiểm soát	345.216		
7	Vũ Tiến Dũng	Thành viên BKS	167.592	22.132,8	
8	Nguyễn Đức Hùng	Thành viên BKS	191.773	22.132,8	

II. Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc và người quản lý khác:

- Chủ tịch hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát đối với Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty trong quá trình thực hiện nghị quyết; bám sát các nội dung nghị quyết, các nhiệm vụ của Công ty để theo dõi, nhắc nhở, chỉ đạo, điều hành Giám đốc và người quản lý khác chỉ đạo thực hiện kịp thời, hiệu quả.

- Ngoài việc theo dõi, giám sát Giám đốc và người quản lý khác theo kế hoạch (tháng, quý), HĐQT còn yêu cầu tổng hợp báo cáo 9 tháng, 10 tháng, 11 tháng, báo cáo theo công trình, theo từng nguồn kinh phí để đối chiếu, cân đối kế hoạch, kinh phí cả năm, công trình nhằm điều chỉnh kịp thời đảm bảo chi đúng chi đủ theo nguồn vốn và lợi nhuận.

- Ban Giám đốc đã tuân thủ bám sát định hướng, ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị công ty trong việc triển khai các nghị quyết, kết luận chỉ đạo. Chủ động xác định rõ và tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ chính trong công tác điều hành.

- Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chủ trương, nghị quyết của HĐQT, Ban Giám đốc công ty đã tổ chức điều hành tốt mọi hoạt động của Công ty theo kế hoạch đã được Đại hội thông qua và quyết định của HĐQT qua các kỳ họp. Thường xuyên báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo về những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Ban Giám đốc có sự phân công nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách cho từng thành viên với nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng.

- Ngay từ đầu năm Trưởng ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch công tác năm 2020 gửi đến Người quản lý công ty, các phòng nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc;

trong đó đã xây dựng chương trình, nội dung, thời gian cho công tác giám sát theo chức năng nhiệm vụ quy định;

- Trưởng ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong ban Kiểm soát để chủ động và phối hợp giám sát.

- Quá trình thực hiện đã tổ chức kiểm tra, giám sát, lấy số liệu theo kế hoạch và đột xuất; sau kiểm tra tổ hợp để đánh giá tình hình thực hiện, rút kinh nghiệm, bổ sung, sửa đổi những nội dung còn tồn tại.

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

1. Mục tiêu: Đảm bảo an toàn chạy tàu tuyệt đối, không để xảy ra tai nạn, trở ngại do chủ quan; hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu do Đại hội đồng cổ đông đề ra; tiếp tục xây dựng Công ty ngày một phát triển bền vững.

2. Nhiệm vụ chủ yếu:

2.1. Triển khai thực hiện các biện pháp quản lý, tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ các hoạt động liên quan đến kết cấu HTĐS để đảm bảo ATCT tuyệt đối; không có tai nạn, sự cố chạy tàu do chủ quan, hạn chế thấp nhất các vụ việc, sự cố, tai nạn chạy tàu do khách quan; không để xảy ra tai nạn lao động chết người, giảm số vụ tai nạn lao động nặng.

2.2. Xây dựng kế hoạch SXKD phù hợp với tình hình thực tế theo xu hướng phát triển; tổ chức chỉ đạo, giám sát công tác sản xuất, thi công các công trình đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ và yêu cầu của Chủ đầu tư; quản lý chặt chẽ các chi phí, nâng cao năng suất lao động, thực hành tiết kiệm chống lãng phí nhằm đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận và tài chính lành mạnh.

2.3. Thực hiện hoàn thành 100% khối lượng, kinh phí SCTX do Nhà nước đặt hàng và nhiệm vụ, khối lượng đột xuất khác; đẩy mạnh việc tìm kiếm, tham gia nhận thầu, đấu thầu các công trình ngoài sản phẩm đặt hàng nhằm đảm bảo tăng doanh thu và thu nhập người lao động.

2.4. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đầu tư thêm máy móc thiết bị, sử dụng hiệu quả các loại máy móc thiết bị hiện có, thực hiện đào tạo lại, đào tạo bổ sung (chứng chỉ, ngành nghề) lực lượng lao động, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, từng bước tăng khả năng cạnh tranh.

2.5. Xây dựng, định hướng phát triển SXKD Công ty (quy hoạch tổng thể toàn bộ mặt bằng đất đai Nhà nước giao cho Công ty; xây dựng mô hình, cơ cấu tổ chức, nhân lực) giai đoạn 2020-2025.

2.6. Chỉ đạo và tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản lý trong nội bộ Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế, điều lệ công ty, quy định của Nhà nước.

2.7. Tiếp tục quan tâm và từng bước nâng cao về đời sống vật chất, tinh thần, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

2.8. Các chỉ tiêu chủ yếu cụ thể cho năm 2021:

- Tổng doanh thu đạt từ 169,4 tỷ đồng trở lên.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 3.960.000.000 đồng (sau thuế đạt từ 3.300.000.000 đồng trở lên); Tỷ lệ cổ tức năm 2021: 10,8% trên vốn góp.

2.9. Kế hoạch lao động, tiền lương năm 2021.

- Tổng số lao động dự kiến của Công ty năm 2021 là : 491 người;
- (Tổng số lao động được duyệt theo phương án CPH là : 421 người)
- Kế hoạch tiền lương: 63.809.000.000 đồng.

PHẦN V

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Đơn vị kiểm toán độc lập đã được Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn trên cơ sở ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 là CN Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt.

Kiểm toán viên là ông Nguyễn Huy Hoàng – Giấy chứng nhận hành nghề kiểm toán số 4531-2018-152-1.

Ý kiến của kiểm toán: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Đường sắt Thuận Hải tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán (kèm theo) và được Công ty đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty: www.duongssatthuanhai.com.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- UBCK Nhà nước;
- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban điều hành;
- Lưu: TCKT, Thư ký HĐQT.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC



Lê Bá Tuấn Vũ